

Số: /NQ-HĐND

Hớn Quản, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em  
trên địa bàn huyện Hớn Quản giai đoạn 2021 – 2025,  
định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN  
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Trẻ em ngày 19/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;*

*Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;*

*Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 15/4/2022 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn huyện Hớn Quản giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030” và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn huyện Hớn Quản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung sau đây:

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và kinh phí đảm bảo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn huyện Hớn Quản.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam;

b) Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn huyện Hớn Quản;

c) Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại ấp, sóc, khu phố trên địa bàn huyện Hớn Quản;

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**3. Mục tiêu tổng quát**

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

**4. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**

**a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em;**

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9% vào năm 2025 và 84,6% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh xuống dưới 9,5‰ vào năm 2025 và dưới 9‰ vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi xuống dưới 12,5‰ vào năm 2025 và 10‰ vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi dưới 18,8‰ vào năm 2025 và dưới 15‰ vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9 % vào năm 2025 và dưới 6 % vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20% vào năm 2025 và dưới 19 % vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030;

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

#### **b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em**

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2030; trên 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp từ năm 2025;

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4% vào năm 2025 và xuống dưới 3,5% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 12/100.000 vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời;

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2% đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030;

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 99% vào năm 2025, phần đầu 100% vào năm 2030;

#### **c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5% vào năm 2025 và đạt 99,8% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98% vào năm 2025 và đạt 98,5% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 80% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025;

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 50% vào năm 2025 và 55% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết

tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030;

#### **d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

### **5. Các giải pháp tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em**

**a.** Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em;

**b.** Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội.

**c.** Tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép thực hiện có hiệu quả các mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em;

**d.** Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hóa các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác;

**đ.** Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, Ủy ban nhân dân huyện và UBND cấp xã, thị trấn quyết định kinh phí đảm bảo cho công tác chăm sóc trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em;

**e.** Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu

quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở;

**g.** Sử dụng mạng lưới Công tác viên dân số kiêm công tác BVCSTE tại các ấp, sóc, khu phố được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp công tác viên dân số đã được hưởng.

**h.** Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

## **6. Hỗ trợ công tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở ấp, sóc, khu phố trên địa bàn huyện.**

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới công tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các ấp, sóc, khu phố.

b) Mức hỗ trợ: Được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp công tác viên dân số đã được hưởng.(Khoản 6, Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ/HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Bình Phước).

## **7. Kinh phí thực hiện**

Được bố trí trong dự toán chi ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Căn cứ nhiệm vụ được giao, các đơn vị chủ động lập dự toán hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Ngân sách Nhà nước đảm bảo chi hỗ trợ hàng tháng cho công tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở ấp, sóc, khu phố được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp công tác viên dân số đã được hưởng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND huyện căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo HĐND huyện.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND huyện và các Đại biểu HĐND huyện giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp lần thứ tám thông qua ngày     /     /2023, có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;

**CHỦ TỊCH**

- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.